

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

Số: 043/2025/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 18 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 90/TTr-STP ngày 05 tháng 12 năm 2025.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện Quyết định này và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2025.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành ở tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Thị Nguyên Thảo

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****QUY ĐỊNH**

**Về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật
của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 043/2025/QĐ-UBND
ngày 18 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định về trình tự, thủ tục và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, bao gồm:

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh trình;
- Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã;
- Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Những nội dung có liên quan đến việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã không được đề cập tại Quy định này thì thực hiện theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15) (sau đây gọi chung là Luật), Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP) và quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; cơ quan quân sự, công an tỉnh; cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi chung là các Sở, ban, ngành ở tỉnh).

2. Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Người trực tiếp tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Chương II

XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN, CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Mục 1

LẬP, XÂY DỰNG, THEO DÕI DANH MỤC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT

Điều 3. Lập danh mục văn bản quy định chi tiết

Các trường hợp phải lập danh mục văn bản quy định chi tiết bao gồm:

1. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tại điểm a khoản 1 Điều 21 của Luật.

2. Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21 của Luật.

Điều 4. Trách nhiệm đề xuất và lập danh mục văn bản quy định chi tiết

1. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan quân sự, công an tỉnh, trong phạm vi lĩnh vực quản lý của mình, có trách nhiệm chủ động rà soát, đề xuất danh mục văn bản quy định chi tiết theo quy định tại Điều 3 của Quy định này gửi Sở Tư pháp tổng hợp.

Danh mục văn bản quy định chi tiết phải nêu rõ tên văn bản được quy định chi tiết; nội dung giao quy định chi tiết; cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan phối hợp; thời hạn trình thông qua hoặc ban hành.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan lập và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định danh mục nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy định này;

b) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan lập và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh danh mục quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Quy định này.

Điều 5. Trách nhiệm xây dựng, theo dõi, đôn đốc việc xây dựng văn bản quy định chi tiết

1. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết

a) Bảo đảm chất lượng, tiến độ soạn thảo; trình văn bản quy định chi tiết đúng thời hạn theo quyết định ban hành danh mục văn bản quy định chi tiết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Định kỳ hoặc theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) về tình hình, tiến độ và những vấn đề phát sinh trong quá trình soạn thảo văn bản quy định chi tiết.

2. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

a) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc soạn thảo văn bản quy định chi tiết;

b) Định kỳ hoặc theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời gửi Bộ Tư pháp về tình hình, tiến độ và những vấn đề phát sinh trong quá trình soạn thảo văn bản quy định chi tiết thuộc thẩm quyền ban hành của chính quyền địa phương.

Mục 2

**ĐĂNG KÝ XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN,
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Điều 6. Đăng ký xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Các trường hợp phải đăng ký xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bao gồm:

1. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tại các điểm b, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 21 của Luật.

2. Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 21 của Luật.

3. Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 21 của Luật, trừ trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công trực tiếp.

Điều 7. Trình tự, thủ tục đăng ký xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Đăng ký xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

a) Các Sở, ban, ngành ở tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đăng ký xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tại các điểm b, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 21 của Luật, gửi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đăng ký xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Đăng ký xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Các Sở, ban, ngành ở tỉnh tự mình hoặc theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đăng ký xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 21 của Luật;

b) Việc đăng ký xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Đăng ký xây dựng quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Các Sở, ban, ngành ở tỉnh đăng ký xây dựng Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 21 của Luật;

b) Việc đăng ký xây dựng quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Mục 3**XÂY DỰNG, BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH DO ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÌNH****Điều 8. Soạn thảo, lấy ý kiến dự thảo nghị quyết****1. Soạn thảo dự thảo nghị quyết**

Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm:

a) Tổng kết việc thi hành pháp luật, đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo nghị quyết đối với trường hợp ban hành nghị quyết quy định tại các điểm b, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 21 của Luật; đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo nghị quyết đối với trường hợp ban hành nghị quyết quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21 của Luật. Nội dung đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Luật;

b) Tổ chức việc soạn thảo.

2. Lấy ý kiến dự thảo nghị quyết

Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm:

a) Thực hiện truyền thông chính sách, dự thảo nghị quyết theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

b) Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đăng tải hồ sơ dự thảo nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh trong thời gian ít nhất là 10 ngày để lấy ý kiến;

c) Tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo nghị quyết và lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan, trong đó phải lấy ý kiến của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ.

Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý kiến. Trong đó, Sở Tài chính có ý kiến về nguồn tài chính; Sở Nội vụ có ý kiến về việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và nguồn nhân lực; Sở Tư pháp có ý kiến về tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật; Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

d) Gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết và cử đại diện tham gia cuộc họp phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội khi được đề nghị;

đ) Tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý, phản biện xã hội và hoàn thiện hồ sơ dự thảo nghị quyết.

3. Hồ sơ dự thảo nghị quyết để lấy ý kiến, phản biện xã hội, bao gồm các dự thảo sau đây:

a) Tờ trình;

b) Dự thảo nghị quyết;

c) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo nghị quyết đối với trường hợp ban hành nghị quyết quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 21 của Luật kèm Phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

d) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo;

đ) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có);

e) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo trong trường hợp

soạn thảo nghị quyết quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21 của Luật.

Điều 9. Thẩm định dự thảo nghị quyết

1. Sở Tư pháp thực hiện thẩm định đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh trình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

2. Cơ quan chủ trì soạn thảo gửi văn bản đề nghị thẩm định kèm hồ sơ thẩm định, trong đó các báo cáo được ký và đóng dấu, dự thảo văn bản được đóng dấu giáp lai, các tài liệu khác được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn thảo. Hồ sơ được gửi bằng bản điện tử và 01 bản giấy, bao gồm: tài liệu theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Quy định này và bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý.

3. Sở Tư pháp tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ dự thảo nghị quyết. Trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

4. Nội dung thẩm định theo quy định tại khoản 6 Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP). Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp phải thể hiện rõ dự thảo nghị quyết đủ điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp báo cáo thẩm định kết luận dự thảo nghị quyết chỉ đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi tiếp thu, hoàn thiện thì báo cáo thẩm định phải nêu rõ nội dung, yêu cầu tiếp thu, hoàn thiện.

5. Sở Tư pháp tiến hành thẩm định lại nếu dự thảo nghị quyết chưa đủ điều kiện trình, việc thẩm định lại được thực hiện theo quy định tại Điều này.

Điều 10. Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trình dự thảo nghị quyết

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm:

a) Nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo nghị quyết; gửi hồ sơ đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời gửi Sở Tư pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

b) Nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến của thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo nghị quyết theo kết luận tại phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc theo yêu cầu của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, xử lý hồ sơ dự thảo nghị quyết

và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc trình dự thảo nghị quyết đến Hội đồng nhân dân tỉnh theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 11. Phối hợp thẩm tra dự thảo nghị quyết

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện hồ sơ dự thảo nghị quyết, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh gửi hồ sơ đến Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh được phân công thẩm tra chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan khác có liên quan có trách nhiệm phối hợp, làm việc với các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, báo cáo, giải trình các nội dung liên quan trong quá trình thẩm tra, hoàn thiện hồ sơ dự thảo nghị quyết. Trường hợp sau khi làm việc với Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh mà phát sinh nội dung mới hoặc khác so với hồ sơ dự thảo Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc thẩm tra, cơ quan chủ trì soạn thảo phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, quyết định đối với nội dung đó.

Mục 4

XÂY DỰNG, BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Điều 12. Soạn thảo, lấy ý kiến dự thảo quyết định

1. Soạn thảo dự thảo quyết định

Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm:

a) Tổng kết việc thi hành pháp luật, đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo quyết định đối với trường hợp ban hành quyết định quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 21 của Luật;

b) Tổ chức việc soạn thảo.

2. Lấy ý kiến dự thảo quyết định

Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm thực hiện các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Quy định này.

3. Hồ sơ dự thảo quyết định để lấy ý kiến, phản biện xã hội, bao gồm các dự thảo sau đây:

a) Tờ trình;

b) Dự thảo quyết định;

c) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo quyết định đối với trường hợp ban hành quyết định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 21 của Luật kèm Phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

d) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo;

đ) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có).

Điều 13. Thẩm định dự thảo quyết định

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo gửi văn bản đề nghị thẩm định kèm hồ sơ thẩm định, trong đó các báo cáo được ký và đóng dấu, dự thảo văn bản được đóng dấu giáp lai, các tài liệu khác được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn thảo. Hồ sơ được gửi bằng bản điện tử và 01 bản giấy, bao gồm: tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 12 của Quy định này và bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý.

2. Sở Tư pháp thẩm định dự thảo quyết định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Việc thẩm định dự thảo quyết định thực hiện theo quy định tại các khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 9 của Quy định này.

Điều 14. Xem xét, thông qua dự thảo quyết định

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm:

a) Nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo quyết định; gửi hồ sơ đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời gửi Sở Tư pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

b) Nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến của thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo quyết định theo kết luận tại phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc theo yêu cầu của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, xử lý hồ sơ dự thảo quyết định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, thông qua theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Mục 5

XÂY DỰNG, BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Điều 15. Soạn thảo, lấy ý kiến dự thảo quyết định

1. Soạn thảo dự thảo quyết định

Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm:

a) Đánh giá việc thi hành pháp luật ở địa phương để xác định nội dung phân cấp và biện pháp chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, phối hợp hoạt động giữa các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Tổ chức việc soạn thảo.

2. Lấy ý kiến dự thảo quyết định

Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm:

a) Thực hiện truyền thông chính sách, dự thảo quyết định theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

b) Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đăng tải hồ sơ dự thảo quyết định trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh trong thời gian ít nhất là 10 ngày để lấy ý kiến;

c) Tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo quyết định và lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan, trong đó phải lấy ý kiến của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ.

Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý kiến. Trong đó, Sở Tài chính có ý kiến về nguồn tài chính; Sở Nội vụ có ý kiến về việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và nguồn nhân lực; Sở Tư pháp có ý kiến về tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật; Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

d) Tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý và hoàn thiện hồ sơ dự thảo quyết định.

3. Hồ sơ dự thảo quyết định để lấy ý kiến, bao gồm các dự thảo sau đây:

a) Tờ trình;

b) Dự thảo quyết định;

c) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có).

Điều 16. Thẩm định dự thảo quyết định

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo gửi văn bản đề nghị thẩm định kèm hồ sơ thẩm

định, trong đó các báo cáo được ký và đóng dấu, dự thảo văn bản được đóng dấu giáp lai, các tài liệu khác được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn thảo. Hồ sơ được gửi bằng bản điện tử và 01 bản giấy, bao gồm: tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 15 của Quy định này và bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý.

2. Sở Tư pháp thẩm định dự thảo quyết định trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Việc thẩm định dự thảo quyết định thực hiện theo quy định tại các khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 9 của Quy định này.

Điều 17. Xem xét, ký ban hành quyết định

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo quyết định; gửi hồ sơ đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời gửi Sở Tư pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 51c Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý hồ sơ dự thảo quyết định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ký ban hành theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương III

XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Mục 1

XÂY DỰNG, BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP XÃ

Điều 18. Soạn thảo, lấy ý kiến dự thảo nghị quyết

1. Căn cứ vào tính chất, nội dung của nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công cơ quan chủ trì soạn thảo. Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức soạn thảo dự thảo nghị quyết.

2. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm:

a) Nghiên cứu chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, tài liệu có liên quan đến dự thảo nghị quyết và thực tế ở địa phương;

b) Tổ chức việc soạn thảo. Trường hợp cần thiết, mời đại diện các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia việc soạn thảo;

c) Tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo nghị quyết; lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan. Trường hợp lấy ý

kiến bằng văn bản, cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý kiến;

d) Tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý và hoàn thiện hồ sơ dự thảo nghị quyết.

3. Hồ sơ dự thảo nghị quyết để lấy ý kiến, bao gồm các dự thảo sau đây:

- a) Dự thảo tờ trình;
- b) Dự thảo nghị quyết;
- c) Tài liệu khác (nếu có).

Điều 19. Thẩm định dự thảo nghị quyết

1. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp xã trình trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản hoặc tổ chức cuộc họp thẩm định dự thảo nghị quyết với sự tham gia của các cơ quan, tổ chức có liên quan.

2. Cơ quan chủ trì soạn thảo gửi hồ sơ thẩm định, bao gồm văn bản đề nghị thẩm định và các tài liệu sau đây:

- a) Tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 18 của Quy định này;
- b) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý.

3. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ dự thảo nghị quyết. Trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định tại khoản 2 Điều này, thì chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

4. Trường hợp tổ chức cuộc họp thẩm định thì người tham gia cuộc họp thẩm định có ý kiến về nội dung thẩm định thuộc phạm vi quản lý lĩnh vực do mình phụ trách và các nội dung khác có liên quan.

5. Nội dung thẩm định gồm các vấn đề sau đây:

- a) Sự cần thiết ban hành văn bản;
- b) Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với chủ trương, đường lối của Đảng;
- c) Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật của

dự thảo nghị quyết;

d) Sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

đ) Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản.

6. Báo cáo thẩm định phải thể hiện rõ ý kiến về nội dung thẩm định theo quy định tại khoản 5 Điều này.

7. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định và chỉnh lý dự thảo nghị quyết.

Điều 20. Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định trình dự thảo nghị quyết

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm gửi hồ sơ nghị quyết, bao gồm: tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 19 của Quy định này và báo cáo thẩm định, báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định việc trình Hội đồng nhân dân cấp xã dự thảo nghị quyết theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Mục 2 XÂY DỰNG, BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Điều 21. Soạn thảo, lấy ý kiến dự thảo quyết định

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công và trực tiếp chỉ đạo cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã soạn thảo.

2. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm:

a) Nghiên cứu chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp, tài liệu có liên quan đến dự thảo quyết định và thực tế ở địa phương;

b) Tổ chức việc soạn thảo. Trường hợp cần thiết, mời đại diện các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia việc soạn thảo;

c) Tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo quyết định; lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan. Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý kiến;

d) Tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý và hoàn thiện hồ sơ dự thảo quyết định.

3. Hồ sơ dự thảo quyết định bao gồm các tài liệu sau đây:

- a) Dự thảo tờ trình;
- b) Dự thảo quyết định;
- c) Tài liệu khác (nếu có).

Điều 22. Thẩm định dự thảo quyết định

1. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định dự thảo quyết định trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

2. Cơ quan chủ trì soạn thảo gửi văn bản đề nghị thẩm định kèm hồ sơ thẩm định, trong đó các tài liệu được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn thảo. Hồ sơ được gửi bằng bản điện tử và 01 bản giấy, bao gồm:

- a) Tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 21 của Quy định này;
- b) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý.

3. Việc thẩm định được thực hiện theo quy định tại các khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 19 của Quy định này.

4. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định và chỉnh lý dự thảo quyết định.

Điều 23. Xem xét, thông qua dự thảo quyết định

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo gửi hồ sơ dự thảo quyết định đến Ủy ban nhân dân cấp xã chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày Ủy ban nhân dân cấp xã họp.

2. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp xã gửi bằng bản điện tử và 01 bản giấy, bao gồm: tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 22 của Quy định này và báo cáo thẩm định, báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định.

3. Tùy theo tính chất và nội dung của dự thảo quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phương thức xem xét, thông qua dự thảo quyết định theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký ban hành quyết định.

Chương IV

XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THEO TRÌNH TỰ, THỦ TỤC RÚT GỌN

Điều 24. Trường hợp và thẩm quyền quyết định xây dựng, ban hành văn bản

quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn

1. Việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn thuộc trường hợp sau đây:

a) Trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp; khi có yêu cầu đột xuất, cấp bách vì lý do quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ;

b) Trường hợp cấp bách để giải quyết vấn đề phát sinh trong thực tiễn;

c) Trường hợp cần tạm ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần của văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;

d) Trường hợp cần sửa đổi ngay cho phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành; trường hợp cần ban hành ngay văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

đ) Trường hợp cần điều chỉnh thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần của văn bản quy phạm pháp luật trong một thời hạn nhất định để giải quyết những vấn đề cấp bách phát sinh trong thực tiễn;

e) Trường hợp ban hành văn bản quy định chi tiết của văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn và trong trường hợp đặc biệt.

2. Thẩm quyền quyết định việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn:

a) Thường trực Hội đồng nhân dân theo đề nghị của cơ quan trình quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân theo đề nghị của cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành quyết định của Ủy ban nhân dân;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tự mình hoặc theo đề nghị của cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành quyết định của mình.

Điều 25. Trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp xã

1. Việc đề nghị, quyết định áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn được thực hiện trước hoặc trong quá trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật.

2. Văn bản đề nghị áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 51 của Luật.

3. Việc soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 51 của Luật.

4. Việc thẩm định văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn được thực hiện như sau:

a) Hồ sơ gửi thẩm định dự thảo gồm văn bản đề nghị thẩm định; dự thảo tờ trình; dự thảo văn bản; bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; tài liệu khác (nếu có);

b) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự thảo, cơ quan thẩm định có trách nhiệm thẩm định dự thảo. Đối với dự thảo có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực thì thời gian thẩm định không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;

c) Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu, giải trình ý kiến thẩm định. Trường hợp cơ quan thẩm định kết luận dự thảo chưa đủ điều kiện trình, cơ quan chủ trì soạn thảo phải tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo để thẩm định lại. Việc thẩm định lại được thực hiện theo quy định tại Điều này.

5. Hồ sơ trình dự thảo nghị quyết bao gồm: tờ trình; dự thảo văn bản; bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; báo cáo thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định; tài liệu khác (nếu có).

Điều 26. Trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành quyết định của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Việc đề nghị, soạn thảo quyết định của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã theo trình tự, thủ tục rút gọn thực hiện theo quy định tại các khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 25 của Quy định này.

2. Việc thẩm định dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã theo trình tự, thủ tục rút gọn thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 25 của Quy định này.

3. Việc xem xét, thông qua dự thảo quyết định thực hiện theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 7 Điều 51 của Luật. Hồ sơ trình dự thảo quyết định bao gồm: tờ trình; dự thảo văn bản; bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; báo cáo thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định; tài liệu khác (nếu có).

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành ở tỉnh

1. Tham mưu xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo đúng quy định của Luật, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP) và Quy định này; chịu trách nhiệm trước cơ quan trình hoặc cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về tiến độ, chất lượng lập đề xuất chính sách, soạn thảo, truyền thông chính sách và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, việc tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội, thẩm định, thẩm tra.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành ở tỉnh trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm về công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan, đơn vị; bố trí đầy đủ, kịp thời kinh phí và các nguồn lực khác để tổ chức xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm chất lượng, đúng thời hạn theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Cử đại diện tham gia hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định theo đề nghị của Sở Tư pháp và chịu trách nhiệm về ý kiến thẩm định trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý.

4. Kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng pháp luật theo hướng chuyên nghiệp; bố trí người có năng lực, trình độ, đáp ứng yêu cầu về số lượng để làm công tác xây dựng pháp luật; tạo điều kiện bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng cần thiết cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng pháp luật thuộc cơ quan, đơn vị.

5. Chủ trì tổ chức lập chuyên mục lấy ý kiến, đăng tải dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.

6. Căn cứ điều kiện, tình hình thực tiễn và yêu cầu nhiệm vụ chính trị, chủ động phối hợp với các cơ quan thông tin, báo chí ở trung ương, địa phương, tổ chức cá nhân có liên quan tổ chức truyền thông chính sách, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật bằng các hình thức phù hợp.

7. Hằng năm hoặc khi có yêu cầu, báo cáo tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật tại cơ quan, đơn vị và gửi Sở Tư pháp để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tư pháp.

Điều 28. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Tổ chức thực hiện tốt công tác thẩm định các dự thảo văn bản quy phạm

pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

4. Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; kiến nghị hình thức xử lý trách nhiệm đối với các Thủ trưởng cơ quan chủ trì soạn thảo trong trường hợp dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được phân công không bảo đảm về chất lượng, chậm tiến độ, không bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật.

5. Hằng năm hoặc khi có yêu cầu, báo cáo tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh với Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tư pháp.

Điều 29. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đảm bảo đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định của Luật, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP), Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh và Quy định này.

2. Phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện việc đăng tải hồ sơ dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; chỉ đạo việc tổ chức truyền thông chính sách, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh bằng hình thức phù hợp, bảo đảm kịp thời, thiết thực, hiệu quả.

3. Phối hợp với Sở Tư pháp:

a) Yêu cầu cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện, chỉnh lý, bổ sung đối với hồ sơ dự thảo văn bản quy phạm pháp luật chưa bảo đảm theo quy định;

b) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 30. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Trên cơ sở dự toán của các đơn vị lập hàng năm, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 31. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo các đơn vị được giao chủ trì soạn thảo chịu trách nhiệm tham mưu xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật phù hợp về thẩm quyền, nội dung, hình thức, tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Luật, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP) và Quy định này.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí nhân sự làm công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo biên chế được giao, đảm bảo nguồn lực, điều kiện thực hiện chức năng, nhiệm vụ về công tác này theo quy định pháp luật và thực tiễn quản lý tại địa phương./.